

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2026/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 7 - 2026

Về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Công.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vàng Mạnh Toàn.

Bà Viên Thị Hồng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Minh Hậu - Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Ông Hồ Lý Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2026/TLST-HNGĐ ngày 15/4/2026 về việc *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2026 và quyết định hoãn phiên tòa 14/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Giàng Thị N; sinh năm 1999; căn cước công dân số xxxxxxxxxxxx, cấp ngày 29/4/2021, nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH Bộ Công an; nơi cư trú: Thôn T, xã Y, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Tráng A H; sinh năm 1995; căn cước công dân số xxxxxxxxxxxx, cấp ngày 29/4/2021, nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH Bộ Công an; nơi cư trú: Thôn T, xã Y, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15/4/2026, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Giàng Thị N trình bày: Chị Giàng Thị N và anh T A H được tự do tìm hiểu nhau sau đó về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 không có đăng ký kết hôn. Đến ngày 15/8/2017 vợ chồng tự nguyện đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã Y. Thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do anh H hay uống rượu về đánh chị N nhưng không báo chính quyền địa phương giải quyết, từ đó vợ chồng không có tiếng nói chung nên chị N bỏ về nhà ngoại ở nhiều lần, anh H có đến nhà bố mẹ vợ xin lỗi đón vợ về đoàn tụ gia đình được một thời gian anh H lại đánh chị N. Lần gần đây nhất ngày 28/02/2026 anh H đi uống rượu về đánh chị N bị thương phải đi Trạm y tế xã Yên Cường khâu 08 mũi ở đầu xong đi về không nằm điều trị nội trú nên không có bệnh án. Từ đó chị N mang quần áo cá nhân về nhà mẹ đẻ ở tại thôn N, xã Y, tỉnh Tuyên Quang đến nay. Hiện chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân gia đình không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh H. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung cháu Tráng Thị V, sinh ngày 22/12/2015 đang học lớp 5A3 trường P1, xã Y, tỉnh Tuyên Quang; cháu Tráng Thị Phương D, sinh ngày 10/8/2018 đang học lớp 2 điểm trường Tiểu học thôn T, xã Y, tỉnh Tuyên Quang; cháu Tráng Văn P, sinh ngày 15/5/2020 đang học lớp 5 tuổi, điểm trường Mầm non T1, xã Y, tỉnh Tuyên Quang. Mức thu nhập lao động tự do hằng tháng chị N khoảng 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*). Về tài sản chung, công nợ chung không yêu cầu giải quyết không kê khai.

Tại phiên tòa chị N yêu cầu giải quyết: Về quan hệ hôn nhân xin được ly hôn với anh Tráng A H. Về con chung nguyện vọng được nuôi cháu Tráng Thị V, sinh ngày 22/12/2015 và cháu Tráng Thị Phương D, sinh ngày 10/8/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Đề cho anh T A H nuôi cháu Tráng Văn P, sinh ngày 15/5/2020. Không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản công nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- *Quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Tráng A H trình bày:* Trước khi kết hôn với chị Giàng Thị N được tìm hiểu nhau, sau đó về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 không có đăng ký kết hôn. Thời gian đăng ký kết hôn, con chung chị Giàng Thị N trình bày là đúng. Ngoài ra anh H bổ sung nguyên nhân mâu thuẫn gia đình khoảng 21 giờ ngày 28/02/2026 anh H thấy chị N đang uống rượu với chị dâu và mẹ đẻ anh H ở nhà, anh H ngồi xuống nói chuyện với mọi người (*anh H kể với mẹ hôm trước chị N lấy chảo ném anh H*) nên chị N tức dùng tay dúi đầu anh H xuống nên anh H nói say đi ngủ đi nhưng chị N tiếp tục cắn vào ngực bên trái anh H chảy máu. Lúc này anh H bị đau và dùng tay đẩy chị N bị ngã đập đầu vào thành giường chảy máu. Sau đó chị N được người nhà đưa đến trạm y tế xã chữa vết thương. Được khoảng hai hôm sau chị N cho người về nhà dọn đồ đạc và lấy giấy tờ về nhà mẹ đẻ ở tại thôn N, xã Y. Sau sự việc xảy ra anh H đến nhà mẹ vợ xin lỗi chị N, chị N nói không chung sống với anh H nữa. Hiện tại các con còn nhỏ cần có sự chăm sóc của bố mẹ, anh H thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn không nhất trí ly hôn với chị Giàng Thị N. Hiện anh H công việc lao động tự do thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Anh H đề nghị về quan hệ hôn nhân không nhất trí ly hôn với chị Giàng Thị N; về con chung nếu chị N cương quyết ly hôn nguyện vọng được nuôi cả 03 con chung cháu Tráng Thị V, sinh ngày 22/12/2015; cháu Tráng Thị Phương D, sinh ngày 10/8/2018 và cháu Tráng Văn P, sinh ngày 15/5/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Yêu cầu chị N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cháu Tráng Thị Phương D mỗi tháng 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) và cháu Tráng Văn P mỗi tháng 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) cho đến khi con đủ 18 tuổi; về tài sản chung, công nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- *Ngày 28/4/2026 Tòa án xác minh nguyên nhân mâu thuẫn gia đình:* Chị N và anh H có cãi vã nhau do anh H hay uống rượu, không tu chí làm ăn, khi uống rượu về có đánh chị N lần gần nhất cuối tháng 02/2026, trong thôn có nghe hàng xóm và anh em nhà anh H kể, anh H đi uống rượu say về đánh chị N phải ra

Trạm y tế xã Y, tỉnh Tuyên Quang khâu vết thương ở đầu. Anh H và chị N không báo chính quyền thôn và xã giải quyết nên không có biên bản giải quyết mâu thuẫn. Sau đó chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở đến nay không thấy về nhà ở cùng anh H nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; nguyên đơn và bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử là đúng theo quy định. Do vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng theo quy định của pháp luật.

Về thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã thực hiện việc thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Giàng Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Giàng Thị N được ly hôn với anh Tráng A H.

Về con chung: Giao cho chị Giàng Thị N nuôi cháu Tráng Thị V, sinh ngày 22/12/2015 và cháu Tráng Thị Phương D, sinh ngày 10/8/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Giao cho anh T A H nuôi cháu Tráng Văn P, sinh ngày 15/5/2020 đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Không chấp nhận yêu cầu của anh H đòi quyền nuôi cháu Tráng Thị V và cháu Tráng Thị Phương D và không chấp nhận anh H yêu cầu chị N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Tráng Thị Phương D và cháu Tráng Văn P.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết không xem xét.

Về án phí: Chị Giàng Thị N được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật; anh T A H không phải chịu tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa bị đơn anh T A H được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt phiên tòa không có lý do; xét thấy việc vắng mặt của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử theo thủ tục chung.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Anh Tráng A H là bị đơn có nơi cư trú tại xã Y, tỉnh Tuyên Quang; nguyên đơn khởi kiện ly hôn tại Tòa án nơi bị đơn cư trú thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Tuyên

Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Giàng Thị N và anh T A Hợ trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu nhau, sau đó có đăng ký kết hôn hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình do anh H hay uống rượu về đánh chị N nhiều lần, cụ thể lần gần nhất ngày 28/02/2026 đánh chị N bị thương tích phải đi Trạm y tế xã Y, tỉnh Tuyên Quang khâu 08 mũi ở đầu. Từ đó vợ chồng không có tiếng nói chung nên chị N đã mang quần áo và đồ dùng cá nhân về nhà mẹ đẻ ở đến nay không chung sống với anh H nữa, mặc dù anh H đã xin lỗi và đi đón chị N về nhà ở cùng nhưng chị N cương quyết không về chung sống với anh H nữa. Từ tháng 02/2026 đến nay vợ chồng sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn quan tâm giúp đỡ nhau trong cuộc sống hằng ngày dẫn đến mức trầm trọng. Mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có duy trì quan hệ hôn nhân không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giàng Thị N, xử cho chị Giàng Thị N được ly hôn với anh T A Hợ theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[4] *Về con chung*: Chị Giàng Thị N và anh T A H chung sống có 03 con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án chị N yêu cầu được nuôi cháu Tráng Thị V, sinh ngày 22/12/2015 và cháu Tráng Thị Phương D, sinh ngày 10/8/2018 và nguyện vọng cháu V và D xin được ở với mẹ đẻ chị N.

Anh H yêu cầu được nuôi 03 con chung cháu Tráng Thị V, sinh ngày 22/12/2015; Tráng Thị Phương D, sinh ngày 10/8/2018 và cháu Tráng Văn P, sinh ngày 15/5/2020. Tuy nhiên nguyện vọng cháu V và cháu D không nhất trí ở với bố đẻ là anh Tráng A H.

Xét thấy, sau khi ly hôn việc giao con chưa thành niên cho người nào trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là nhằm mục đích giúp con chưa thành niên phát triển tốt về tinh thần lẫn thể chất, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Tráng Thị V và cháu Tráng Thị Phương D cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Tráng Văn P cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Để đảm bảo quyền lợi con chung là phù hợp quy định các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh H đòi quyền nuôi con cháu Tráng Thị V và cháu Tráng Thị Phương D, lý do phải tôn trọng quyền quyết định của các cháu ở với ai phải căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Không chấp nhận yêu cầu của anh H yêu cầu chị N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cháu Tráng Thị Phương D và cháu Tráng Văn P.

[5] *Về tài sản chung, công nợ chung*: Chị Giàng Thị N và anh T A H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Giàng Thị N sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người dân tộc thiểu số và có đơn đề nghị xin miễn nộp án phí. Hội đồng xét xử xét cho nguyên đơn chị N được miễn toàn bộ tiền án phí theo quy định của pháp luật. Anh Tráng A H không phải chịu tiền án phí.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, 147, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giàng Thị N.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Giàng Thị N được ly hôn với anh Tráng A H.

3. Về nuôi con chung:

- Giao cho chị Giàng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tráng Thị V, sinh ngày 22/12/2015 và cháu Tráng Thị Phương D, sinh ngày 10/8/2018 đến khi con đủ 18 tuổi.

- Giao cho anh Tráng A H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tráng Văn P, sinh ngày 15/5/2020 đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị Giàng Thị N và anh Tráng A H không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị N, anh H không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, sau này chị N và anh H có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

4. Về chia tài sản chung và công nợ chung: Không.

5. Về án phí: Chị Giàng Thị N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Anh Tráng A H không phải chịu tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 7 - Tuyên Quang;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Y, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dương Văn Công